TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
"V/v *tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Lương Hùng Dũng

2/ Ông Trần Thanh Vũ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn N thông qua quá trình quen biết nhau, sau thời tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý nên chị T và anh N thống nhất tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị T không còn tình cảm với anh N và cũng không liên quan gì về kinh tế, nên chị T đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa T và anh N có 01 con chung tên: Nguyễn Thảo N1, sinh năm 2010. Hiện con chung đang sống với chị T, nên sau khi

ly hôn chị T yêu cầu Tòa án xem xét được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng chung sống không tạo lập tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn N: Vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N, xét đây là tranh chấp dân sự thuộc lĩnh vực pháp luật hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú ở địa bàn huyện C, thành phố Cần Thơ, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Nguyễn Văn N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N: Theo trình bày của chị T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau thường xuyên khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hiện chị T không còn tình cảm với anh N và cũng không liên hệ gì về kinh tế chung, nên đề nghị Tòa xem xét cho ly hôn. Về phía anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó khẳng định anh N cũng không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với chị T, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng không thể hàn gắn. Trên cơ sở đó, Tòa án chấp nhận cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[4] Về nuôi con chung: Xét con chung của chị T và anh N tên Nguyễn Thảo N1, sinh năm 2010, hiện đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu N1 cũng có nguyện vọng chung sống với chị T, đồng thời chị T cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, đây là yêu cầu chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Dương Thị T không có yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về quyền chăm sóc giáo dục con chung: Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, tòa án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị T với anh Nguyễn Văn N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo N1 sinh năm 2010, cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Toà án không xem xét.

- Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, Toà án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009866 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Chị Dương Thị T đã thực hiện xong.

3. Tuyên án công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa Tớithi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Song Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa